

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 420/2024/DS-PT
Ngày: 29-10-2024
“V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Tuyền

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Phụng
Ông Đặng Văn Những

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hồng Nhật Châu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tho - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 379/2024/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2024/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 452/2024/QĐ-PT ngày 14 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1982; Địa chỉ: Ấp V, xã B, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đặng Trường C, sinh năm 1974; Địa chỉ: Số C, đường H, Phường E, thành phố T, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 2002; Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng L1, sinh năm 1978; Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

3. Bà Phạm Lê Huyền T, sinh năm 2003; Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện T,

tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Thanh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/5/2024 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và những lời trình bày của ông Đặng Trường C là người đại diện theo ủy quyền như sau:

Ngày 13/12/2021, ông V vay của bà L 125.000.000 đồng hạn 01 năm trả, không thỏa thuận lãi suất; ngày 21/3/2022, ông V vay của bà L 175.000.000 đồng, hạn 01 năm trả, không thỏa thuận lãi suất theo các giấy vay mượn tiền mà ông V đã lẫn tay. Khi ông V vay tiền của bà L thì chỉ có ông V lẫn tay và trực tiếp nhận tiền từ bà L. Sau khi đến hạn ông V không trả tiền thì bà L tìm bà L1 là vợ của ông V báo cho bà L1 biết việc này. Nay bà L yêu cầu ông V và bà L1 liên đới trả cho bà L tiền vốn vay 300.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng, được tính từ ngày 21/3/2022 đến ngày 21/5/2024.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh V có lời trình bày: Ông V có vay tiền của bà L để làm vốn làm ăn nuôi sống bản thân vì từ năm 2020 ông V ly thân vợ là bà L1, ông V đến sống chung với bà L. Ông V mượn tiền của bà L thì vợ con ông V không biết, khoản nợ này không liên quan đến vợ con ông V. Ông V xác định có vay của bà L hai lần, lần một vay 85.000.000 đồng và lần hai vay 90.000.000 đồng, khi vay không có viết giấy nợ. Vì ông V S chung nhà với bà L, khi ông V N xin và bà L với ông V có cự cãi nhau, sau đó bà L cột tay ông V L2, ông V C1 nghĩ bà L giận nên ông V không phản ứng chống cự và vẫn để bà L cột tay, sau đó bà L lấy giấy vay tiền được đánh máy theo mẫu sẵn chưa trống chỗ người vay tiền, số tiền vay, ngày vay và cầm tay ông V L3 (do bà L hay cho vay tiền đảo hạn Ngân hàng nên bà L có mẫu trắng sẵn) rồi sau đó bà L ghi nội dung gì thì ông V hoàn toàn không biết. Gần đây ông V không hài lòng bà L nên ông V không còn sống chung với bà L, bà L có gọi điện thoại nhưng ông V không nghe máy nên bà L nộp đơn khởi kiện. Ông V xác định dấu vân tay trong hai giấy vay tiền mà bà L nộp cho Tòa án là dấu vân tay của ông V và xác định chỉ nợ bà L số tiền 175.000.000 đồng và ông V đồng ý trả, xin trả dần đến khi hết nợ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh H trình bày: Ông H là con ruột của ông V. Ông H không biết việc ông V M tiền của bà L. Đối với yêu cầu của bà L thì ông H không đồng ý vì tiền là ông V M, ông V có trách nhiệm tự trả cho bà L, ông V không dùng số tiền vay của bà L để lo cho gia đình. Ông V và mẹ ông là bà L1 đã ly thân từ lâu. Về nguồn gốc của thửa đất số 1607, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp B, xã M, huyện T có từ năm nào thì ông không nhớ. Căn nhà trên thửa đất là do bà L1 cất, ông V không có phụ giúp gì khi xây dựng nhà. Ông H xin vắng mặt trong quá trình tố tụng, yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng L1 trình bày: Bà L1 là vợ của ông V. Tuy nhiên, bà L1 và ông V đã sống ly thân từ đầu

năm 2021 đến nay. Nhà và đất thuộc thửa 1607, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Long An có nguồn gốc Nhà nước bán cho hộ nghèo, trả tiền dân. Bà L1 cùng con trai là ông Nguyễn Thanh H, con dâu (Phạm Lê Huyền T) và cháu nội sống trên căn nhà này. Tiền trả thửa đất cũng do bà L1 và con trai đi làm, tích lũy đóng tiền đất cho Nhà nước trong vòng 10 năm, hiện nay đã trả xong. Căn nhà trên đất cũng do bà L1 và ông H dành dụm tiền để xây dựng. Ông V đã bỏ nhà đi từ đầu năm 2021 đến nay không có trách nhiệm với gia đình, thời điểm ông V còn sống chung thì ông V thường xuyên ăn chơi không lo làm ăn, ông V chỉ làm nuôi sống bản thân ông V. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà L buộc bà L1 phải liên đới trả 300.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi thì bà L1 không đồng ý bởi vì ông V mượn tiền của bà L khi nào, dùng vào mục đích gì bà L1 hoàn toàn không biết; bà L1 không có nhận tiền của bà L. Bà L1 xin vắng mặt trong quá trình tố tụng, yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Lê Huyền T trình bày: Bà T là vợ của ông Nguyễn Thanh H, con dâu của bà L1 và ông V. Bà T và ông H kết hôn vào năm 2022. Khi về chung sống với ông H thì căn nhà trên thửa đất số 1607, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp B, xã M, huyện T đã được xây dựng. Bà T không biết việc ông V mượn tiền của bà L vì từ khi bà T về chung sống với ông H thì ông V đã không còn ở chung với bà L1 nữa. Bà T xin vắng mặt trong quá trình tố tụng, yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2024/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An đã căn cứ Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà L đối với ông V.

Không chấp nhận yêu cầu của bà L buộc bà L1 cùng liên đới với ông V trả tiền cho bà L.

Buộc ông V phải trả cho bà L số tiền 364.740.000 (ba trăm sáu mươi bốn triệu bảy trăm bốn mươi ngàn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong thì hàng tháng ông V còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2024/QĐ-BPKCTT ngày 10/6/2024 để đảm bảo thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Vũ P chịu 18.237.000 đồng. Bà L không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà L 9.119.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp

theo biên lai thu số 0008431 ngày 03/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền và nghĩa vụ của các đương sự ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, bị đơn ông V kháng cáo chỉ đồng ý trả cho bà L số tiền 175.000.000 đồng và xin trả dần.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với thời gian tính tiền lãi, yêu cầu tính tiền lãi theo từng mốc thời gian vay mượn sau khi vi phạm nghĩa vụ trả tiền là 01 năm; bị đơn ông V cũng yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn ông V có lời trình bày: Ông V xác định chỉ vay tiền của bà L lần một là 85.000.000 đồng và lần hai là 90.000.000 đồng, tổng cộng là 175.000.000 đồng. Do thời điểm vay tiền ông V sống chung nhà với bà L nên khi ông V N say thì bà L lấy giấy vay tiền được đánh máy theo mẫu sẵn (do bà L cho vay tiền đảo hạn ngân hàng nên có mẫu sẵn) chưa trống chỗ người vay tiền, số tiền vay, ngày vay và cầm tay ông V L3 vào sau đó bà L tự ghi nội dung vào, ông V hoàn toàn không biết. Ông V xác định các dấu vân tay tại 02 giấy mượn tiền ngày 13/12/2021 và ngày 21/3/2022 là của ông V, ông V xin trả dần hàng tháng 10.000.000 đồng và không tính lãi suất.

Nguyên đơn do ông C đại diện có lời trình bày: Không đồng ý yêu cầu kháng cáo của ông V, ông V trình bày sống chung với bà L năm 2021 là không đúng vì thời điểm này chồng bà L còn sống. Ông V trình bày khi xin nên bị bà L trói tay và lăn tay vào giấy mượn tiền là không có căn cứ. Ông V không có căn cứ chứng minh vay 02 lần như lời trình bày. Bà L đồng ý tính lãi thời gian từ ngày 14/12/2022 đối với số tiền 125.000.000 đồng và từ ngày 22/3/2023 đối với số tiền 175.000.000 đồng đến ngày xét xử sơ thẩm, mức lãi suất 0,83%/tháng. Không đồng ý yêu cầu xin trả dần của ông V.

Các đương sự không có thỏa thuận gì khác.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn ông V kháng cáo đúng quy định tại các Điều 273, Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo: Ông V kháng cáo không đồng ý trả số tiền 364.000.000 đồng cho bà L vì ông chỉ mượn 175.000.000 đồng, xem xét cho ông V xin trả dần số tiền nợ là 175.000.000 đồng.

Nhận thấy, ông V thừa nhận có vay tiền của bà L hai lần gồm: Lần 1 năm 2022 mượn 90.000.000 đồng, lần 2 năm 2023 mượn 85.000.000 đồng. Đối với giấy vay mượn tiền ngày 13/12/2021 ông V vay của bà L 125.000.000 đồng và giấy vay tiền ngày 21/3/2022 vay 175.000.000 đồng, ông V cho rằng khi nhận

xin, bà L cột tay ông V, để bà L cầm tay ông V lăn tay vào giấy vay tiền được đánh máy theo mẫu sẵn rồi bà L muốn ghi gì thì ghi ông V hoàn toàn không biết. Ông V cũng thừa nhận dấu vân tay trên 02 giấy vay tiền trên là của ông V.

Ông V cho rằng chỉ mượn của bà L 175.000.000 đồng, nhưng ông V không chứng minh được chỉ vay số tiền trên của bà L và bà L không chấp nhận việc ông V xin trả dần số tiền vay này. Do đó kháng cáo của ông V không có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn thay đổi yêu cầu thời điểm tính lãi. Đối với giấy vay mượn tiền số tiền 125.000.000 đồng tính lãi từ ngày 14/12/2022 và giấy vay mượn tiền của số tiền 175.000.000 đồng tính lãi từ ngày 22/3/2023 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật.

Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông V. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2024/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An về tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn ông V kháng cáo hợp lệ nên vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Kháng cáo của bị đơn ông V về một phần Bản án dân sự sơ thẩm. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo.

[3] Xét kháng cáo thấy rằng: Bà L khởi kiện yêu cầu ông V trả số tiền theo giấy nợ ngày 13/12/2021 và ngày 21/3/2022, tổng cộng 300.000.000 đồng và lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 21/3/2022. Ông V xác định chỉ vay của bà L 02 lần tổng cộng 175.000.000 đồng, khi vay không lập giấy nợ. Đối với hai giấy vay mượn tiền do bà L cung cấp thì ông V thừa nhận là dấu vân tay của ông V, tuy nhiên do lúc ông V trong tình trạng say thì bà L cầm tay của ông V L3 vào giấy nợ, ông V N1 do bà L chỉ đùa giỡn nên không có ý kiến gì.

[3.1] Nhận thấy, ông V thừa nhận có việc lăn tay vào giấy nợ và dấu vân tay tại giấy nợ ngày 13/12/2021 và ngày 21/3/2022 là của ông V, đây là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông V cho rằng chỉ nợ bà L 175.000.000 đồng và việc ông V lăn tay vào giấy nợ là trong tình trạng ông V bị trói tay, sau đó bà L cầm tay ông V L3 vào mẫu giấy trắng không điền thông tin, tuy nhiên, ông V không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc lăn tay trong tình trạng hạn chế năng lực hành vi dân sự và bị ép buộc nên không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của ông V.

[3.2] Về yêu cầu tiền lãi: Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bà L đồng ý tính lãi 0,83%/tháng đối với số tiền 125.000.000 đồng từ ngày 14/12/2022 và đối với số tiền 175.000.000 đồng từ ngày 22/3/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 14/8/2024 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều

468 Bộ luật Dân sự nên chấp nhận và điều chỉnh tiền lãi lại cho phù hợp. Cụ thể như sau:

Đối với khoản vay 125.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 13/12/2021, thời hạn vay 01 năm, không ghi lãi suất, do đó thời gian tính lãi được tính từ ngày vi phạm là ngày 14/12/2022 đến ngày 14/8/2024, cụ thể: $125.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 20 \text{ tháng} = 20.750.000 \text{ đồng}$.

Đối với khoản vay 175.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 21/3/2022, thời hạn vay 01 năm, không ghi lãi suất, do đó thời gian tính lãi được tính từ ngày vi phạm là ngày 22/3/2023 đến ngày 14/8/2024, cụ thể: $175.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 16 \text{ tháng} 23 \text{ ngày} = 24.353.583 \text{ đồng}$.

Tổng cộng tiền lãi của 02 khoản vay là 45.103.583 đồng.

[3.3] Ông V kháng cáo xin trả dần 175.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và không tính lãi nhưng bà L không đồng ý. Pháp luật không quy định việc trả dần trừ trường hợp ghi nhận do các bên tự thỏa thuận được về cách thức trả dần. Do đó, kháng cáo xin trả dần và không tính lãi của ông V không có căn cứ chấp nhận.

[4] Từ nhận định mục [3], chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông V. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2024/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An về tiền lãi. Lời đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An có căn cứ được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên ông V không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thanh V.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2024/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Căn cứ Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 26 và 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Nguyễn Thị L đối với ông Nguyễn Thanh V.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L buộc bà Nguyễn Thị Hồng L1 cùng liên đới với ông Nguyễn Thanh V.

Buộc ông Nguyễn Thanh V phải trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 345.103.583 (ba trăm bốn mươi lăm triệu một trăm lẻ ba nghìn năm trăm tám mươi ba) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 05/2024/QĐ-BPKCTT ngày 10/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Thanh V phải chịu 17.255.179 (mười bảy triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn một trăm bảy mươi chín) đồng. Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L 9.119.000 (chín triệu một trăm mười chín nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0008431 ngày 03/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thanh V không phải chịu. Hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh V 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0009093 ngày 15/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

5. Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

6. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bích Tuyền